

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM  
(IDJ INVESTMENT)**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 33

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM  
(IDJ INVESTMENT)**

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0102186593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/3/2007, thay đổi lần thứ 11 ngày 19/06/2015 về việc chuyển đổi tên Công ty từ Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Quốc tế và Phát triển Doanh nghiệp IDJ thành Công ty cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102186593 ngày 19/06/2015 là 326.000.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi sáu tỷ đồng).

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDJ VIETNAM INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: IDJ.

Mã cổ phiếu của Công ty đang trong danh sách chứng khoán không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 16, tòa nhà văn phòng Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Hoàng Linh	Chủ tịch	
	Ông Nguyễn Đỗ Lăng	Thành viên	
	Ông Trần Việt Phương	Thành viên	Miễn nhiệm 21/4/2018
	Ông Phạm Duy Hưng	Thành viên	Bỏ nhiệm 21/4/2018
	Ông Hán Công Khanh	Thành viên	Bỏ nhiệm 21/4/2018
	Bà Lã Thị Quy	Thành viên	Bỏ nhiệm 21/4/2018

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Ban Tổng Giám đốc** Ông Nguyễn Hoàng Linh

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Hoàng Linh**  
**Tổng Giám đốc**  
*Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2019*





Số: 376/2019/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
của Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam

**Kính gửi:** Các cổ đông  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam, được lập ngày 04/04/2019 từ trang 05 đến trang 33 bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Như Thuyết minh số 5.20 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” trong năm Công ty phát sinh doanh thu dịch vụ số tiền là 22.727.272.727 đồng tương ứng với lợi nhuận gộp là 21.858.938.360 đồng. Đây là các giao dịch với bên liên quan, tuy nhiên chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán để đánh giá về nội dung và giá trị của giao dịch này. Do đó, chúng tôi không đưa ý kiến về khoản mục này cũng như ảnh hưởng đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

1917  
TY  
IH  
TOÁN  
ETNA  
NỘI

**Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



---

**Phan Thanh Nam****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.**

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2019

---

**Nguyễn Thị Mai Hoa****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2018-137-1





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM**  
**(IDJ INVESTMENT)**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01-DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	MS	TM	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>220.980.242.906</b>	<b>98.356.876.839</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>12.779.811.309</b>	<b>12.612.174.307</b>
1. Tiền	111		2.279.811.309	612.174.307
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.500.000.000	12.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>11.512.500.000</b>	<b>19.500.500.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	11.212.500.000	3.912.500.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.3	300.000.000	15.588.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>180.393.618.954</b>	<b>63.749.034.858</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.4	161.631.496.242	55.076.105.086
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.5	14.754.562.028	11.761.140.520
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	17.804.852.031	10.770.247.749
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(13.797.291.347)	(13.858.458.497)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>14.507.649.680</b>	<b>132.496.217</b>
1. Hàng tồn kho	141		14.507.649.680	132.496.217
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.786.662.963</b>	<b>2.362.671.457</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	1.325.023.876	1.901.215.092
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		461.639.087	460.879.081
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	-	577.284
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>216.238.410.877</b>	<b>222.970.978.574</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>6.648.947.071</b>	<b>745.586.071</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	6.648.947.071	745.586.071
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>19.013.152.585</b>	<b>19.377.193.345</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	2.909.339.173	3.097.038.469
- Nguyên giá	222		4.893.160.763	4.893.160.763
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.983.821.590)	(1.796.122.294)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	16.103.813.412	16.280.154.876
- Nguyên giá	228		16.897.350.000	16.897.350.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(793.536.588)	(617.195.124)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.11</b>	<b>120.615.743.511</b>	<b>123.754.391.943</b>
1. Nguyên giá	231		146.731.814.195	146.731.814.195
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(26.116.070.684)	(22.977.422.252)
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.12</b>	<b>57.555.422.954</b>	<b>65.285.114.667</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		57.555.422.954	57.985.114.667
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	7.300.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.405.144.756</b>	<b>13.808.692.548</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	5.930.300.312	6.101.848.104
5. Lợi thế thương mại	269		6.474.844.444	7.706.844.444
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>437.218.653.783</b>	<b>321.327.855.413</b>

3.N.0  
CỔ  
T  
KINH  
CỔ  
PH



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM  
(IDJ INVESTMENT)**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01-DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	MS	TM	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>115.378.375.469</b>	<b>51.107.757.226</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>110.321.619.372</b>	<b>47.558.059.531</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	64.340.193.420	39.693.047.734
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		23.987.242.265	2.003.365.880
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	10.887.672.236	579.976.904
4. Phải trả người lao động	314		327.069.670	202.503.024
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	417.666.667	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	1.344.996.788	1.175.581.487
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	433.091.450	418.392.796
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	7.900.143.000	2.807.846.082
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		683.543.876	677.345.624
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.056.756.097</b>	<b>3.549.697.695</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	5.056.756.097	3.549.697.695
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>321.840.278.314</b>	<b>270.220.098.187</b>
<b>(400 = 410+430)</b>				
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.19</b>	<b>321.840.278.314</b>	<b>270.220.098.187</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		326.000.000.000	326.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		326.000.000.000	326.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.523.000.000	1.523.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(5.699.539.512)	(57.320.214.729)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(59.067.194.675)	(60.357.788.064)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		53.367.655.163	3.037.573.335
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		16.817.826	17.312.916
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>437.218.653.783</b>	<b>321.327.855.413</b>
<b>(440 = 300+400)</b>				

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thúy Quỳnh

Lê Thị Quy



Nguyễn Hoàng Linh

PHỤ LỤC  
 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
 IDJ VIỆT NAM  
 HÀ NỘI

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.20	245.133.486.254	301.816.137.131
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		245.133.486.254	301.816.137.131
4. Giá vốn hàng bán	11	5.21	184.204.343.509	295.042.075.840
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>60.929.142.745</b>	<b>6.774.061.291</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.22	671.735.971	1.274.778.882
7. Chi phí tài chính	22	5.23	543.527.525	175.432.662
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		492.076.433	152.571.349
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		1.317.288.233	528.763.817
9. Chi phí bán hàng	25	5.24	316.502.661	266.003.747
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.24	4.812.460.074	4.667.970.855
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	<b>30</b>		<b>57.245.676.689</b>	<b>3.468.196.726</b>
12. Thu nhập khác	31	5.25	242.333.272	307.162.251
13. Chi phí khác	32	5.25	878.363.470	758.392.118
<b>14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	<b>5.25</b>	<b>(636.030.198)</b>	<b>(451.229.867)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>56.609.646.491</b>	<b>3.016.966.859</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	4.917.086.418	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>51.692.560.073</b>	<b>3.016.966.859</b>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		51.693.055.163	3.017.453.096
18.2 Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		(495.090)	(486.237)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.27	1.585,66	92,54

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2019

Người lập

Phạm Thúy Quỳnh

Kế toán trưởng

Lê Thị Quy

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Linh



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
	2	4	5
<b>I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1 <b>Lợi nhuận trước thuế</b>	01	56.609.646.491	3.016.966.859
2 <b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	3.502.689.192	3.636.585.092
- Các khoản dự phòng	03	(61.167.150)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.989.024.204)	675.116.752
- Chi phí lãi vay	06	492.076.433	152.571.349
3 <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08	58.554.220.762	7.481.240.052
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(122.486.960.668)	(56.288.343.053)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(14.375.153.463)	(122.727.272)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	53.843.568.240	39.644.863.617
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.979.739.008	217.654.668
- Tiền lãi vay đã trả	14	(74.409.766)	(152.571.349)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(22.558.995.887)</b>	<b>(9.219.883.337)</b>
<b>II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	13.606.655.455
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.500.000.000)	(28.300.000.000)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	16.788.000.000	26.975.000.000
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.346.335.971	3.333.645.549
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>17.634.335.971</b>	<b>15.615.301.004</b>
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3 Tiền thu từ đi vay	33	32.841.706.616	25.680.045.696
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(27.749.409.698)	(22.872.199.614)
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(12.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>5.092.296.918</b>	<b>2.795.846.082</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	50	<b>167.637.002</b>	<b>9.191.263.749</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	<b>12.612.174.307</b>	<b>3.420.910.558</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	70	<b>12.779.811.309</b>	<b>12.612.174.307</b>

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thúy Quỳnh

Lê Thị Quy



Nguyễn Hoàng Linh



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM  
(IDJ INVESTMENT)**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu B 09-DN/HN

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0102186593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/3/2007, thay đổi lần thứ 11 ngày 19/06/2015 về việc chuyển đổi tên Công ty từ Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Quốc tế và Phát triển Doanh nghiệp IDJ thành Công ty cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102186593 ngày 19/06/2015 là 326.000.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi sáu tỷ đồng).

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM**

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: IDJ.

Mã cổ phiếu của Công ty đang trong danh sách chứng khoán không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDJ VIETNAM INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 16, tòa nhà văn phòng Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

**Công ty con được hợp nhất**

Công ty con của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Dương Lương Sơn được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 5400345569 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hòa Bình cấp lần đầu ngày 04/5/2010, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 10 tháng 3 năm 2015. Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam mua 2.268.000 cổ phần tương ứng sở hữu 99% vốn điều lệ.

Vốn điều lệ : 22.700.000.000 VND

Ngành nghề kinh doanh: dịch vụ lưu trú ( khách sạn, Biệt thự và căn hộ kinh doanh du lịch lưu trú ngắn hạn), dịch vụ ăn uống, trồng cây, chăn nuôi...

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam và Công ty con

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng cơ bản hạ tầng)
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: Lập và quản lý các dự án đầu tư xây dựng phát triển các khu đô thị, khu công nghiệp);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Chi tiết: Dịch vụ quản lý bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ quản lý và điều hành sản giao dịch bất động sản);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh, thương mại điện tử, dịch vụ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, tư vấn mua bán doanh nghiệp);



**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính, dịch vụ định giá tài sản (không bao gồm những tài sản thuộc quyền của Nhà nước));
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Dịch vụ cung cấp thông tin trên mạng internet);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường));
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng karaoke, vũ trường));
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm), buôn bán vật tư máy móc, thiết bị phục vụ ngày xây dựng, giao thông, thủy điện, buôn bán vật liệu xây dựng);
- Quảng cáo (Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo thương mại)
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng nhà máy thủy điện, nhà máy xi măng, văn phòng, thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư, các công trình phục vụ giáo dục, y tế (trường học, bệnh viện));
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: kinh doanh điện)
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm), khai thác vật liệu xây dựng);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Hoạt động chuyên giao công nghệ);
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục chuyên nghiệp (Chi tiết: Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp);
- Đào tạo cao đẳng;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Dạy ngoại ngữ, dạy máy vi tính);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích (Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa; xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình bên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê);
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Chi tiết: Tư vấn giáo dục);
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Chi tiết: Tư vấn và giới thiệu việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động));

Hoạt động chính của Công ty trong năm : Cho thuê ngắn hạn và dài hạn Văn phòng; xây dựng công trình.

01  
V  
H  
T  
ET  
NC

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM  
(IDJ INVESTMENT)**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**1.3 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có đơn vị trực thuộc như sau:

	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Tỷ lệ góp vốn</b>	<b>Tỷ lệ biểu quyết</b>
<b>Công ty con</b>			
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Dương Lương Sơn	Khách sạn, du lịch	99,91%	99,91%
<b>Công ty liên kết</b>			
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển giáo dục IDJ - AEC	Xây dựng cơ sở hạ tầng	22,33%	22,33%
- Công ty Cổ phần Quản lý Tài sản IDJ Asset	Dịch vụ quản lý BĐS, quản lý tài sản	45%	45%
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Giáo dục IDJ	Cung cấp dịch vụ giáo dục	33,58%	33,58%
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Việt Hàn	Dịch vụ tiệc cưới, nhà hàng	28,5%	28,5%

**1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC và thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc năm tài chính là có thể so sánh được.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

12/2  
N  
AM  
VIỆT



#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam, công ty con của Công ty Cổ phần IDJ Việt Nam là Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Dương Lương Sơn.

##### **Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

##### Khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.





**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời), như: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác;

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị ghi sổ theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên báo cáo hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**a. Nguyên tắc kế toán**

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**Tài sản cố định vô hình**

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)**

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Năm 2018</b>
	<b>Thời gian khấu hao</b>
	<b>(Số năm)</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	20
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị văn phòng	03

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại Xóm Nước vải, Xã Tân Vinh, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được trích khấu hao theo thời hạn thuê đất.

**Nguyên tắc kế toán bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sở hữu nhà cửa vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê ngắn hạn hoặc dài hạn được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 46 năm 9 tháng kể từ ngày 01/09/2010.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phân ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

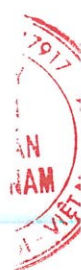
Đối với các chi phí thuê văn hoạt động, chi phí hoàn thiện Trung tâm thương mại và chi phí tài sản gắn liền với bất động sản đầu tư được phân bổ theo thời gian hữu dụng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.





**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Chi phí phải trả bao gồm chi phí lãi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo trường hợp sau:

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư....) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

-Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.





**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Một là cho thuê các gian hàng tại TTTM Grand Plaza và tại văn phòng Charmvit tại Hà Nội; hai là hoạt động xây dựng công trình nên Công ty lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho thuê VP, TTTM và Xây dựng.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	13.867.519	24.092.737
Tiền gửi ngân hàng	2.265.943.790	588.081.570
Các khoản tương đương tiền	10.500.000.000	12.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)	10.500.000.000	12.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>12.779.811.309</b>	<b>12.612.174.307</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM  
(IDJ INVESTMENT)**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền (Tiếp theo)**

(\*) Hợp đồng tiền gửi kỳ hạn 1 tháng số 0031 - 6000 - 1405 - 4001 ngày 11/7/2018 số tiền 1.000.000.000 đồng và số 0031 - 6000 - 1549 - 6008 ngày 02/7/2018 số tiền 2.000.000.000 đồng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông CN Trảng An.

Hợp đồng tiền gửi kỳ hạn 3 tháng số 0031 - 6000 - 1405 - 6004 ngày 07/6/2018 số tiền 2.000.000.000 đồng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông CN Trảng An.

Hợp đồng tiền gửi kỳ hạn 3 tháng số 2611 - 0000 - 270 -328 ngày 25/4/2018 số tiền 1.000.000.000 đồng và hợp đồng số 2611 - 0000 - 270 - 300 ngày 25/4/2018 số tiền 3.000.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Trảng An, PGD Hoàng Hoa Thám.

Hợp đồng tiền gửi kỳ hạn 3 tháng số 2339326-11.10.2018/HĐTGBIDVTA-IDJVN ngày 11/10/2018 số tiền 1.500.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Trảng An.

**5.2 Đầu tư chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2018 (VND)			01/01/2018 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Đầu tư chứng khoán kinh doanh (*)	11.212.500.000	-	-	3.912.500.000	-	-
<i>Cổ phần Công ty CP Đầu tư DPA (1)</i>	<i>3.912.500.000</i>	-	-	<i>3.912.500.000</i>	-	-
<i>Công ty Cổ phần Dream Works (2)</i>	<i>7.300.000.000</i>	-	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>11.212.500.000</b>	<b>(*)</b>	<b>-</b>	<b>3.912.500.000</b>	<b>(*)</b>	<b>-</b>

(1) Cổ phần Công ty CP Đầu tư DPA, số lượng cổ phần: 391.250 Cổ phần.

(2) Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 20/11/2018 quyết định giao cho Tổng Giám đốc lựa chọn thời điểm phù hợp để bán toàn bộ 7.300.000 Cổ phần Công ty Cổ phần Dream Words mà Công ty đang nắm giữ.

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện nay không có hướng dẫn về các tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**5.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>300.000.000</b>	<b>300.000.000</b>	<b>15.588.000.000</b>	<b>15.588.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	15.288.000.000	15.288.000.000
- Các khoản đầu tư khác (*)	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
<b>Tổng</b>	<b>300.000.000</b>	<b>300.000.000</b>	<b>15.588.000.000</b>	<b>15.588.000.000</b>

(\*) Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 20/08/2012 khu vui chơi Funworld.





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM  
(IDJ INVESTMENT)**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.4 Phải thu của khách hàng**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>161.631.496.242</b>	<b>55.076.105.086</b>
Công ty Cổ phần Quản lý tài sản IDJ	5.218.619.807	5.218.619.807
Công ty TNHH Đầu tư Châu á - Thái Bình Dương - Bắc Ninh	149.870.595.277	43.076.276.566
Một số đối tượng khác	6.542.281.158	6.781.208.713
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan</i>	5.218.619.807	5.218.619.807
<i>Công ty liên kết - "Công ty Cổ phần Quản lý tài sản IDJ"</i>	5.218.619.807	5.218.619.807
<b>Tổng</b>	<b>161.631.496.242</b>	<b>55.076.105.086</b>

**5.5 Trả trước cho người bán**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty Cổ phần cửa gỗ Austdoor	-	2.710.758.208
Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu và Đầu tư xây dựng Toàn Cầu	-	3.794.667.423
Công ty Cổ phần Điện lạnh và Xây lắp Việt Nam	603.710.669	2.014.258.875
Công ty cổ phần xây dựng số 2	11.883.749.205	-
Trả trước các đối tượng khác	2.267.102.154	3.241.456.014
<b>Tổng</b>	<b>14.754.562.028</b>	<b>11.761.140.520</b>

**5.6 Phải thu khác**

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>17.804.852.031</b>	<b>(10.129.382.453)</b>	<b>10.770.247.749</b>	<b>(10.129.382.453)</b>
- Các khoản chi hộ "Phí dịch vụ của các nhà đầu tư"	9.914.418.653	(9.914.418.653)	9.914.418.653	(9.914.418.653)
- Phải thu khác	378.853.547	(214.963.800)	374.097.328	(214.963.800)
- Tạm ứng	7.508.529.366	-	478.238.885	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	3.050.465	-	3.492.883	-
<b>Dài hạn</b>	<b>6.648.947.071</b>	<b>-</b>	<b>745.586.071</b>	<b>-</b>
- Ký cược, ký quỹ	6.348.947.071	-	445.586.071	-
- Cho mượn	300.000.000	-	300.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>24.453.799.102</b>	<b>(10.129.382.453)</b>	<b>11.515.833.820</b>	<b>(10.129.382.453)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM  
(IDJ INVESTMENT)**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.7 Nợ xấu**

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	13.797.291.347	-	13.858.458.497	-
<i>Trong đó:</i>				
			<u>Quá hạn trên 3 năm</u>	
- Các khoản chi hộ "Phí dịch vụ của các nhà đầu tư"	-	-	-	9.914.418.653
Các đối tượng khác	-	-	-	3.882.872.694

**5.8 Chi phí trả trước**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.325.023.876</b>	<b>1.901.215.092</b>
Chi phí dịch vụ tại TTTM	445.244.010	600.250.992
Chi phí thuê Văn phòng, TTTM	879.779.866	1.300.964.100
<b>Dài hạn</b>	<b>5.930.300.312</b>	<b>6.101.848.104</b>
Chi phí thiết kế, hoàn thiện nội thất TTTM	4.024.047.952	4.128.795.404
Chi phí thuê HT thoát khí, cung cấp ga, tường kính	1.505.946.363	1.545.146.703
Công cụ dụng cụ	400.305.997	427.905.997
<b>Tổng</b>	<b>7.255.324.188</b>	<b>8.003.063.196</b>

**5.9 Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư tại 01/01/2018	3.753.986.005	633.472.009	505.702.749	4.893.160.763
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	<u>3.753.986.005</u>	<u>633.472.009</u>	<u>505.702.749</u>	<u>4.893.160.763</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại 01/01/2018	656.947.536	633.472.009	505.702.749	1.796.122.294
Tăng trong năm	187.699.296	-	-	187.699.296
Khấu hao trong năm	187.699.296	-	-	187.699.296
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	<u>844.646.832</u>	<u>633.472.009</u>	<u>505.702.749</u>	<u>1.983.821.590</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 01/01/2018	<u>3.097.038.469</u>	-	-	<u>3.097.038.469</u>
Tại 31/12/2018	<u>2.909.339.173</u>	-	-	<u>2.909.339.173</u>

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 1.139.174.758 đồng (tại ngày 31/12/2017 là 1.139.174.758 đồng).



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM  
(IDJ INVESTMENT)**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.10 Tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2018	16.897.350.000	16.897.350.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2018	<u>16.897.350.000</u>	<u>16.897.350.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2018	617.195.124	617.195.124
Tăng trong năm	176.341.464	176.341.464
Khấu hao trong năm	176.341.464	176.341.464
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2018	<u>793.536.588</u>	<u>793.536.588</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2018	<u>16.280.154.876</u>	<u>16.280.154.876</u>
Tại 31/12/2018	<u>16.103.813.412</u>	<u>16.103.813.412</u>

Giá trị tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất tại: Xóm Nước Vải, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

**5.11 Bất động sản đầu tư**

*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>a. Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
<b>Nguyên giá</b>	<b>146.731.814.195</b>	-	-	<b>146.731.814.195</b>
- Nhà và quyền sử dụng đất	146.731.814.195	-	-	146.731.814.195
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>22.977.422.252</b>	<b>3.138.648.432</b>	-	<b>26.116.070.684</b>
- Nhà và quyền sử dụng đất	22.977.422.252	3.138.648.432	-	26.116.070.684
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>123.754.391.943</b>	-	<b>3.138.648.432</b>	<b>120.615.743.511</b>
- Nhà và quyền sử dụng đất	123.754.391.943	-	3.138.648.432	120.615.743.511

  
 010  
 CÔNG T  
 TNHH  
 M TOÁ  
 VIETNA  
 NỘI

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM  
(IDJ INVESTMENT)**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.12 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	Tỷ lệ		31/12/2018		01/01/2018	
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá ghi số	Dự phòng	Giá ghi số	Dự phòng
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết</b>			57.555.422.954	-	57.985.114.667	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>						
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục IDJ - AEC	22,33%	22,33%	45.367.468.651	-	45.591.643.473	-
Công ty Cổ phần Quản lý Tài sản IDJ Asset	45,00%	45,00%	6.390.271.828	-	6.595.033.768	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Giáo dục IDJ	33,58%	33,58%	97.013.710	-	97.013.710	-
Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư Việt Hàn	28,50%	28,50%	5.700.668.765	-	5.701.423.716	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>			-	-	7.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Dreamworks	-	-	-	-	7.300.000.000	-
<b>Tổng</b>			<b>57.555.422.954</b>	<b>-</b>	<b>65.285.114.667</b>	<b>-</b>

Đơn vị tính: VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM  
(IDJ INVESTMENT)**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.13 Phải trả người bán**

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>64.340.193.420</b>	<b>64.340.193.420</b>	<b>39.693.047.734</b>	<b>39.693.047.734</b>
Công ty CP Xây dựng số 2	60.069.984.289	60.069.984.289	39.089.282.424	39.089.282.424
Phải trả người bán ngắn hạn khác	4.270.209.131	4.270.209.131	603.765.310	603.765.310
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>64.340.193.420</b>	<b>64.340.193.420</b>	<b>39.693.047.734</b>	<b>39.693.047.734</b>

**5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2018
<b>Phải nộp</b>	<b>579.976.904</b>	<b>11.444.040.253</b>	<b>1.136.344.921</b>	<b>10.887.672.236</b>
Thuế giá trị gia tăng	542.179.115	6.338.463.490	953.128.375	5.927.514.230
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.917.086.418	-	4.917.086.418
Thuế thu nhập cá nhân	37.797.789	182.490.345	177.216.546	43.071.588
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
<b>Phải thu</b>	<b>577.284</b>	<b>577.284</b>	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	577.284	577.284	-	-

**5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>417.666.667</b>	-
Chi phí lãi vay	417.666.667	-
<b>Tổng</b>	<b>417.666.667</b>	-

**5.16 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.344.996.788</b>	<b>1.175.581.487</b>
Doanh thu nhận trước (Cho thuê văn phòng và trung tâm thương mại)	1.344.996.788	1.175.581.487
<b>Dài hạn</b>	-	-
<b>Tổng</b>	<b>1.344.996.788</b>	<b>1.175.581.487</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM  
(IDJ INVESTMENT)**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.17 Phải trả khác**

	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>433.091.450</b>	<b>418.392.796</b>
Bảo hiểm thất nghiệp	-	77.796
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	412.740.000	412.740.000
Phải trả, phải nộp khác	20.351.450	5.575.000
<b>Dài hạn</b>	<b>5.056.756.097</b>	<b>3.549.697.695</b>
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn (*)	5.056.756.097	3.549.697.695
<b>Tổng</b>	<b>5.489.847.547</b>	<b>3.968.090.491</b>

(\*) Các khoản đặt cọc thuê văn phòng và trung tâm thương mại.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM**  
(IDJ INVESTMENT)

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.18 Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2018		Phát sinh trong năm		01/01/2018	
	Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Thấu chi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hai Bà Trưng (1)	7.900.143.000	7.900.143.000	32.841.706.616	27.749.409.698	2.807.846.082	2.807.846.082
Công ty TNHH Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương Bắc Ninh (2)	3.400.143.000	3.400.143.000	25.841.706.616	25.249.409.698	2.807.846.082	2.807.846.082
<b>Vay dài hạn</b>	4.500.000.000	4.500.000.000	7.000.000.000	2.500.000.000	-	-
<b>Tổng</b>	<b>7.900.143.000</b>	<b>7.900.143.000</b>	<b>32.841.706.616</b>	<b>27.749.409.698</b>	<b>2.807.846.082</b>	<b>2.807.846.082</b>

Đơn vị tính: VND

(1) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Tràng An theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2018/2339326/HĐTĐ ngày 12 tháng 02 năm 2018. Giá trị hạn mức thấu chi là 3.600.000.000 đồng, thời hạn thấu chi 12 tháng, lãi suất tại thời điểm cấp thấu chi là 6,5% / năm. Mục đích sử dụng tiền vay để thanh toán chi phí vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hình thức đảm bảo tiền vay là cầm cố 02 hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng với tổng mệnh giá là 4.000.000.000 đồng.

(2) Khoản vay với Công ty TNHH Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương Bắc Ninh theo hợp đồng số 022208/HD ngày 30/01/2018. Số tiền vay là 7.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay 8%/ năm, mục đích sử dụng khoản vay để phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn cho vay 1 năm. Hình thức đảm bảo nghĩa vụ hoàn trả vốn vay là bên cho vay có quyền đình chỉ, thu hồi các khoản vay tại bất cứ thời điểm nào phát hiện bên vay sử dụng tiền sai mục đích và thiếu minh bạch trong quản lý hồ sơ.

ẤN  
M  
N  
W  
L  
O  
I

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM**  
(IDJ INVESTMENT)

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.19 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2017	326.000.000.000	1.523.000.000	(60.164.442.927)	17.799.153	267.376.356.226
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	3.017.453.096	(486.237)	3.016.966.859
Giảm khác	-	-	(173.224.898)	-	(173.224.898)
Số dư tại 31/12/2017	326.000.000.000	1.523.000.000	(57.320.214.729)	17.312.916	270.220.098.187
Số dư tại 01/01/2018	326.000.000.000	1.523.000.000	(57.320.214.729)	17.312.916	270.220.098.187
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	51.693.055.163	(495.090)	51.692.560.073
Giảm khác	-	-	(72.379.946)	-	(72.379.946)
Số dư tại 31/12/2018	326.000.000.000	1.523.000.000	(5.699.539.512)	16.817.826	321.840.278.314

Đơn vị tính: VND

Mẫu B 09-DN

**b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu năm	326.000.000.000	326.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	326.000.000.000	326.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>		
	-	-





**5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**c. Cổ phiếu**

	31/12/2018	01/01/2018
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.600.000	32.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.600.000	32.600.000
Cổ phiếu phổ thông	32.600.000	32.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.600.000	32.600.000
Cổ phiếu phổ thông	32.600.000	32.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**5.20 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu hoạt động cho thuê ngắn và dài hạn Trung tâm thương mại và Văn phòng, tầng hầm	25.449.635.531	38.494.020.362
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.727.272.727	-
Doanh thu Hợp đồng xây dựng, kinh doanh BĐS	196.956.577.996	263.322.116.769
<b>Tổng</b>	<b>245.133.486.254</b>	<b>301.816.137.131</b>

**5.21 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn hoạt động cho thuê ngắn và dài hạn Trung tâm thương mại và Văn phòng	25.793.010.762	44.365.988.075
Giá vốn cung cấp dịch vụ	868.334.367	-
Giá vốn hợp đồng xây dựng	157.542.998.380	250.676.087.765
<b>Tổng</b>	<b>184.204.343.509</b>	<b>295.042.075.840</b>

**5.22 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	671.735.971	1.187.278.882
Lãi bán các khoản đầu tư	-	87.500.000
<b>Tổng</b>	<b>671.735.971</b>	<b>1.274.778.882</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.23 Chi phí tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền vay	492.076.433	152.571.349
Chi phí hoạt động tài chính khác	51.451.092	22.861.313
<b>Tổng</b>	<b>543.527.525</b>	<b>175.432.662</b>

**5.24 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>316.502.661</b>	<b>266.003.747</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	101.062.598	266.003.747
Chi phí bằng tiền khác	215.440.063	-
<b>Chi phí quản lý</b>	<b>4.812.460.074</b>	<b>4.667.970.855</b>
Chi phí nhân viên quản lý	1.685.639.761	1.855.784.807
Chi phí vật liệu quản lý	22.391.055	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	27.600.000	165.435.781
Chi phí khấu hao TSCĐ	364.040.760	364.040.760
Thuế phí và lệ phí	314.828.438	49.417.561
Chi phí dịch vụ mua ngoài	892.351.319	620.885.479
Chi phí bằng tiền khác	334.775.891	380.406.467
Lợi thế thương mại	1.232.000.000	1.232.000.000
<b>Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>(61.167.150)</b>	<b>-</b>
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(61.167.150)	-
<b>Tổng</b>	<b>5.128.962.735</b>	<b>4.933.974.602</b>

**5.25 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Phạt trả chậm	22.814.401	-
Thanh lý tài sản	-	71.800.000
Cho thuê biển quảng cáo	218.181.816	218.181.816
Thu nhập khác	1.337.055	17.180.435
<b>Tổng</b>	<b>242.333.272</b>	<b>307.162.251</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Phạt vi phạm hợp đồng	228.457.875	-
Xử lý công nợ	352.853.182	-
Phạt thuế	292.943.446	451.168.230
Chi phí khác	4.108.967	307.223.888
<b>Tổng</b>	<b>878.363.470</b>	<b>758.392.118</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>(636.030.198)</b>	<b>(451.229.867)</b>

N: 010  
 CÔNG  
 TNHH  
 ĐẦU TƯ  
 VIỆT  
 HÀ NỘI



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.26 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.917.086.418	-
<b>Tổng</b>	<b>4.917.086.418</b>	<b>-</b>

**5.27 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2018	Năm 2017
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>51.692.560.073</b>	<b>3.016.966.859</b>
Các khoản điều chỉnh		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>51.692.560.073</b>	<b>3.016.966.859</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	32.600.000	32.600.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.585,66</b>	<b>92,54</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Theo Quyết định số 02/2019/QĐ.IDJ ngày 14/02/2019 của Hội đồng Quản trị về việc mua cổ phần để nắm quyền chi phối tại Công ty Cổ phần In Thái Nguyên. Việc mua cổ phần được chia làm 2 lần, lần 1 mua 51% (tương ứng 1.134.750 cổ phần), lần 2 mua 39% (tương ứng 867.750 cổ phần).

Theo Quyết định số 05/2019/QĐ-IDJI ngày 05/03/2019 của Hội đồng Quản trị về việc chuyển nhượng 990.000 cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Quản lý tài sản IDJ.

**6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương (*)	- Nắm giữ 20,01% cổ phiếu IDJ. - Ông Nguyễn Hoàng Linh (Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc Công ty) đồng thời là thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương - Ông Nguyễn Đỗ Lăng (thành viên Hội đồng Quản trị) đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương
Công ty TNHH Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương - Bắc Ninh	Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương sở hữu 100% vốn
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Land Huế	Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương sở hữu 99,99% vốn



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)****Số dư với các bên liên quan**

<b>Các khoản phải trả</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>01/01/2018 VND</b>
<i>Người mua trả tiền trước</i>			
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương (*)	Thi công	20.799.096.952	-
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Land Huế	Thi công	1.987.241.879	1.909.304.000
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>01/01/2018 VND</b>
Công ty Cổ phần Quản lý tài sản IDJ Asset	Thuê tài sản, bán dụng cụ thanh lý	5.218.619.807	5.218.619.807
Công ty TNHH Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương - Bắc Ninh	Thi công	149.870.595.277	43.076.276.566
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Land Huế	Thi công	1.470.124.751	-

**Giao dịch với các bên liên quan**

<b>Bán hàng</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Năm 2018 VND</b>	<b>Năm 2017 VND</b>
Công ty Cổ phần đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương	Cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng	873.994.226	-
Công ty TNHH Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương - Bắc Ninh	Thi Công Dịch vụ	195.985.463.338 22.727.272.727	257.426.680.405 -
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Land Huế	Thi công	23.698.387.385	5.863.618.182

(\*) Tại thời điểm 01/01/2018 Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương nắm giữ 6.522.400 cổ phiếu chiếm 20,01% tổng số cổ phiếu lưu hành; đến 05/09/2018 Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương đã thực hiện bán thành công toàn bộ số cổ phiếu đang nắm giữ.

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Năm 2018 VND</b>	<b>Năm 2017 VND</b>
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành	Lương và thù lao	599.767.232	619.296.809
<b>Tổng</b>		<b>599.767.232</b>	<b>619.296.809</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	Cho thuê VP, TTTM, dịch vụ khác	Xây dựng	Khác	Tổng
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản cố định	-	-	19.377.193.345	19.377.193.345
Chi phí trả trước	7.575.157.199	-	8.134.750.441	15.709.907.640
Bất động sản đầu tư	123.754.391.943	-	-	123.754.391.943
Các khoản phải thu	10.115.369.696	54.236.376.233	142.875.000	64.494.620.929
Hàng tồn kho	-	-	132.496.217	132.496.217
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	97.859.245.339
<b>Tổng tài sản</b>				<b>321.327.855.413</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Các khoản phải trả	4.766.041.872	41.573.925.924	81.725.000	46.421.692.796
Phải trả tiền vay	2.807.846.082	-	-	2.807.846.082
Nợ phải trả không thể phân bổ	-	-	-	1.878.218.348
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>51.107.757.226</b>

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

	Cho thuê VP, TTTM, dịch vụ khác	Xây dựng	Khác	Tổng
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản cố định	-	-	19.013.152.585	19.013.152.585
Chi phí trả trước	6.855.018.191	-	400.305.997	7.255.324.188
Bất động sản đầu tư	120.615.743.511	-	-	120.615.743.511
Các khoản phải thu	55.519.742.566	132.238.131.028	824.634.087	188.582.507.681
Hàng tồn kho	-	14.376.242.463	132.496.217	14.508.738.680
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	87.243.187.138
<b>Tổng tài sản</b>				<b>437.218.653.783</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Các khoản phải trả	10.296.889.573	84.677.643.667	81.725.000	95.056.258.240
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	20.322.117.229
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>115.378.375.469</b>

**6.3 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Người lập



Phạm Thúy Quỳnh

Kế toán trưởng



Lê Thị Quy

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2019

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Linh

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.2 Báo cáo bộ phận**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Một là cho thuê các gian hàng tại TTTM Grand Plaza và tại văn phòng Charmvit tại Hà Nội; hai là hoạt động xây dựng công trình nên Công ty lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho thuê, dịch vụ và Xây dựng.

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Cho thuê VP, TTTM, dịch vụ khác	Xây dựng	Khác	Tổng
<b>DOANH THU</b>				
Tổng doanh thu	48.176.908.258	196.956.577.996		245.133.486.254
Doanh thu giữa các bộ phận	-	-		-
<b>Doanh thu</b>	<b>48.176.908.258</b>	<b>196.956.577.996</b>		<b>245.133.486.254</b>
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>				
Kết quả bộ phận	18.176.428.381	39.413.579.616		57.590.007.997
Doanh thu tài chính (không thể phân bổ)	-	-		671.735.971
Chi phí tài chính (không thể phân bổ)	-	-		(543.527.525)
Chi phí bán hàng, quản lý không phân bổ	-	-		(1.789.827.987)
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-		681.258.035
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-		(4.917.086.418)
<b>Lợi nhuận trong năm</b>				<b>51.692.560.073</b>

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Cho thuê VP, TTTM, dịch vụ khác	Xây dựng	Khác	Tổng
<b>DOANH THU</b>				
Tổng doanh thu	38.494.020.362	263.322.116.769	-	301.816.137.131
<b>Doanh thu</b>	<b>38.494.020.362</b>	<b>263.322.116.769</b>	<b>-</b>	<b>301.816.137.131</b>
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>				
Kết quả bộ phận	(8.151.802.536)	11.767.273.685	-	3.615.471.149
Doanh thu tài chính (không thể phân bổ)	-	-	-	1.274.778.882
Chi phí tài chính (không thể phân bổ)	-	-	-	(175.432.662)
Chi phí bán hàng, quản lý không phân bổ	-	-	-	(1.775.384.460)
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-	-	77.533.950
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận trong năm</b>				<b>3.016.966.859</b>

01073  
CÔNG TY  
NH  
TOÁN  
VIỆTNA  
NỘI